

các tỉnh thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu đang triển khai trên địa bàn với việc di dời các hộ dân đang sinh sống ở những nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, ổn định dân cư để phát triển.

- Chỉ đạo các địa phương khôi phục rừng, trồng rừng nơi có khả năng xảy ra lũ quét. Ưu tiên bố trí kinh phí từ nguồn vốn của Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng để thực hiện việc này.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có kế hoạch bổ sung, tăng cường cơ sở vật chất, máy móc và phương tiện cho các trạm khí tượng, thủy văn nằm trên địa bàn các tỉnh miền núi, để cung cấp số liệu kịp thời cho công tác dự báo sớm về mưa, lũ và cảnh báo kịp thời nguy cơ xảy ra lũ quét.

3. Các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên ngành để làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến những kiến thức và kinh nghiệm về công tác phòng, tránh lũ quét, thiên tai.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, có đề tài khoa học nghiên cứu về đặc điểm địa hình, thời tiết, khí hậu, những điều kiện và nguyên nhân gây ra lũ quét, làm cơ sở xây dựng chương trình phòng, tránh lũ quét có hiệu quả.

5. Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra và thường xuyên báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc triển khai thực hiện các giải pháp phòng, tránh lũ quét của các địa phương và các Bộ, ngành liên quan.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

CÁC BỘ

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông số 38/2004/QĐ-BBCVT ngày 15/9/2004 ban hành cuộc dịch vụ điện thoại sử dụng thẻ trả tiền trước của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam. (Mạng điện thoại thế hệ mới - NGN).

**BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam tại Công văn số 4938/DV-GCTT ngày 19/8/2004 về cước điện thoại cố định dùng thẻ trả trước 1719;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành cước dịch vụ điện thoại NGN sử dụng thẻ trả tiền trước gọi từ mạng điện thoại cố định PSTN của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam như sau:

1. Dịch vụ điện thoại NGN 64kbps sử dụng thẻ trả tiền trước:

1.1. Dịch vụ điện thoại NGN 64kbps quốc tế sử dụng thẻ trả tiền trước:

a) Mức cước tối đa: Không cao hơn mức cước hiện hành liên lạc điện thoại quốc tế (Mạng điện thoại công cộng - PSTN) của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

b) Mức tối thiểu: Không thấp hơn 10% so với mức cước hiện hành liên lạc điện thoại quốc tế (Mạng điện thoại công cộng - PSTN) của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

c) Phương thức tính cước liên lạc điện thoại NGN 64kbps quốc tế sử dụng thẻ trả tiền trước được tính như phương thức tính cước hiện hành liên lạc điện thoại quốc tế (Mạng điện thoại công cộng - PSTN) của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

1.2. Dịch vụ điện thoại NGN 64kbps liên tỉnh sử dụng thẻ trả tiền trước:

a) Mức cước tối đa: Không cao hơn mức cước hiện hành liên lạc điện thoại đường dài liên tỉnh (Mạng điện thoại công cộng - PSTN) .

b) Mức cước tối thiểu: Không thấp hơn so với mức cước hiện hành liên lạc điện thoại đường dài liên tỉnh (Mạng điện thoại công cộng - PSTN) theo từng vùng tương ứng như sau:

+ Đối với các tuyến liên lạc thuộc Vùng đặc biệt: 7%.

+ Đối với các tuyến liên lạc thuộc Vùng 1: 10%.

+ Đối với các tuyến liên lạc thuộc Vùng 2 và Vùng 3: 15%.

c) Vùng liên lạc điện thoại NGN 64kbps liên tỉnh được quy định tại Quyết định cước hiện hành liên lạc điện thoại đường dài liên tỉnh (Mạng điện thoại công cộng- PSTN).

d) Phương thức tính cước liên lạc điện thoại NGN 64kbps liên tỉnh sử dụng thẻ trả tiền trước được tính như phương thức

tính cước hiện hành liên lạc điện thoại đường dài liên tỉnh (Mạng điện thoại công cộng - PSTN) của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

1.3. Dịch vụ điện thoại NGN 64kbps nội tỉnh sử dụng thẻ trả tiền trước:

a) Mức tối đa: Không cao hơn mức cước hiện hành liên lạc điện thoại đường dài nội tỉnh (Mạng điện thoại công cộng - PSTN).

b) Mức tối thiểu: Không thấp hơn 15% so với mức cước hiện hành liên lạc điện thoại đường dài nội tỉnh (Mạng điện thoại công cộng - PSTN).

c) Phương thức tính cước liên lạc điện thoại NGN 64kbps nội tỉnh sử dụng thẻ trả tiền trước được tính như phương thức tính cước hiện hành liên lạc điện thoại đường dài nội tỉnh (Mạng điện thoại công cộng - PSTN) của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

1.4. Dịch vụ điện thoại NGN 64kbps sử dụng thẻ trả tiền trước gọi điện thoại di động:

Mức cước và phương thức tính cước áp dụng như mức cước và phương thức tính cước của cuộc gọi từ máy điện thoại cố định của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam đến máy di động tương ứng.

1.5. Dịch vụ gọi vào mạng khác: Mức cước và phương thức tính cước giống như mức cước và phương thức tính cước từ máy điện thoại cố định của Tổng Công

ty Bưu chính - Viễn thông gọi vào mạng đó.

2. Dịch vụ điện thoại NGN 8kbps sử dụng thẻ trả tiền trước:

2.1. Dịch vụ điện thoại NGN 8kbps đường dài và quốc tế sử dụng thẻ trả tiền trước áp dụng như quy định đối với dịch vụ điện thoại IP đường dài và quốc tế sử dụng thẻ trả tiền trước của Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

2.2. Dịch vụ điện thoại NGN 8kbps nội tỉnh, gọi điện thoại di động và gọi vào mạng khác áp dụng như Dịch vụ điện thoại NGN 64kbps sử dụng thẻ trả tiền trước.

Điều 2. Liên lạc điện thoại NGN 64kbps và 8kbps sử dụng thẻ điện thoại trả tiền trước tại các điểm công cộng, ngoài mức cước và phương thức tính cước quy định tại khoản 1 và 2 của Điều 1, doanh nghiệp quản lý điểm công cộng được thu thêm cước phục vụ. Mức cước phục vụ do doanh nghiệp quản lý công cộng quyết định nhưng phải đảm bảo không phân biệt đối xử giữa các dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại sử dụng thẻ trả tiền trước tương ứng.

Điều 3. Cước liên lạc của các thuê bao Fax và thuê bao truyền số liệu trong băng thoại tiêu chuẩn qua mạng NGN được áp dụng như đối với cước liên lạc điện thoại theo các dịch vụ tương ứng quy định tại Điều 1.

Điều 4. Các mức cước quy định tại Điều 1 của Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 5. Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam:

1. Căn cứ các quy định tại Điều 1, 2, 3, và 4 của Quyết định này, ban hành mức cước cụ thể cho liên lạc điện thoại NGN 64kbps và 8kbps sử dụng thẻ điện thoại trả tiền trước. Khi ban hành Quyết định các mức cước cụ thể theo thẩm quyền, Tổng Công ty có thông báo với Bộ Bưu chính, Viễn thông trước 5 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

2. Quy định mức giảm cước liên lạc điện thoại điện thoại NGN: quốc tế, liên tỉnh, nội tỉnh, gọi vào mạng di động và gọi vào các mạng khác sử dụng thẻ trả trước trong các ngày lễ và ngày nghỉ bù của các ngày lễ, ngày thứ bảy, chủ nhật và từ 23 giờ ngày hôm trước đến 7 giờ sáng ngày hôm sau các ngày từ thứ hai đến thứ sáu nhưng mức giảm tối đa không quá 30% so với mức cước quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn chất lượng từng loại dịch vụ điện thoại NGN 64kbps và 8kbps sử dụng thẻ trả trước cho khách hàng và cung cấp dịch vụ theo chất lượng đã cam kết.

Điều 6. Các quy định của Quyết định này được áp dụng đối với người sử dụng dịch vụ điện thoại NGN 64kbps và 8kbps sử dụng thẻ điện thoại trả tiền trước của

Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 8. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG
Thủ trưởng

Đặng Đình Lâm

BỘ CÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp số 92/2004/QĐ-BCN ngày 15/9/2004 về việc chuyển Trường Đào tạo nghề mỏ và xây dựng trực thuộc Công ty Than Nội Địa về trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;